

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 2977 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 6737/STC-NSNN ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai (đính kèm Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út



Số: 14/2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 và Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 488/BC-BKTNS ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp các quy định tại Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản của cơ quan



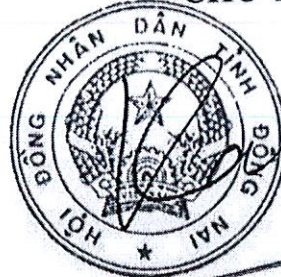
trung ương thì thực hiện theo các quy định đó hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2025. / *mm**

Nơi nhận: *Rur*

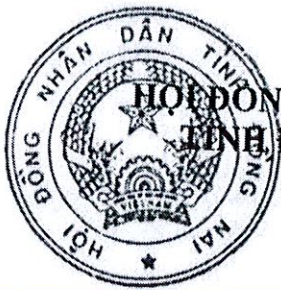
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường
xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; các xã, phường trên địa bàn tỉnh.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Quỹ tiền lương: Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương (phụ cấp chức vụ; phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; phụ cấp phục vụ cấp ủy; phụ cấp cấp ủy, phụ cấp hội đồng nhân dân, phụ cấp ưu đãi; phụ cấp thu hút; phụ cấp lưu động; phụ cấp độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp khu vực; phụ cấp đặc biệt; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ trách trách nhiệm công việc; phụ cấp trực 24/24 giờ ngành y tế và các loại phụ cấp theo lương khác), chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp theo quy định của Nhà nước.

2. Biên chế bao gồm: số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

3. Chi hoạt động thường xuyên

a) Chi hoạt động thường xuyên

- Chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí điện, nước, điện thoại, mạng internet, vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi hội nghị, công tác phí, đoàn ra, đoàn vào.

- Chi thuê mượn, ký hợp đồng dịch vụ một số công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ

về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (lái xe, tạp vụ, bảo vệ, cấp dưỡng mầm non, quản sinh) phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan đơn vị do lãnh đạo cơ quan quyết định.

- Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên tại đơn vị như: Chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp công dân, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan; chi cải cách hành chính, xây dựng hệ thống thông tin nội bộ, hệ thống quản lý cơ quan và các nhiệm vụ khác do lãnh đạo cơ quan quyết định.

- Chi bảo dưỡng, mua sắm, sửa chữa thường xuyên các công trình, cơ sở vật chất, tài sản phục vụ công tác chuyên môn do cơ quan đơn vị quản lý dưới 100 triệu đồng/danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa.

- Chi hoạt động tổ chức Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chi hoạt động dân quân tự vệ, đội phòng cháy chữa cháy, các tổ chức, đoàn, hội tại cơ quan.

- Chi bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh yếu kém tại các cơ sở giáo dục.

- Chi tiền làm thêm giờ, chi phúc lợi cơ quan, tiền nghỉ phép năm, chi khen thưởng do thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định, chi hỗ trợ khác do cơ quan ban hành quyết định và các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.

b) Không bao gồm

- Chi trang phục ngành theo quy định của trung ương.

- Chi một số chế độ chi phục vụ hoạt động của các Đảng ủy xã, phường theo Quyết định số 01-QĐ/TU ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Chi chế độ chi đặc thù cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Chi hỗ trợ các cơ sở giáo dục theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

- Chi tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân tập trung, chi tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại các địa điểm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính một cửa tập trung tại tỉnh, xã, phường.

- Chi bồi dưỡng học sinh giỏi tại các trường Chuyên Trung học phổ thông.

- Chi tăng giờ trong trường hợp đặc biệt, do nguyên nhân khách quan, số chi chế độ làm thêm giờ lớn hoặc cần thiết phải thuê, mượn, điều động từ các đơn vị khác để đảm bảo công việc.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, đảm bảo kinh phí để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2026 - 2030 theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và địa phương.
2. Đảm bảo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đã ban hành đến ngày 30 tháng 9 năm 2025, chưa bao gồm: chế độ hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng; hỗ trợ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc không chuyên trách, dân quân; hỗ trợ hỏa táng; hỗ trợ chính sách phát triển dân số; nhiệm vụ chi quy hoạch; chi các chương trình mục tiêu quốc gia.
3. Đảm bảo chi hoạt động, thực hiện quyền tự chủ tài chính đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp; thu nhập tăng thêm trên mặt bằng chung; thúc đẩy thực hành tiết kiệm, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ngân sách nhà nước.
4. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên; ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.
5. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp I căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên để tiến hành giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, công khai, minh bạch.
6. Định mức, nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã để xác định tổng chi thường xuyên ngân sách (trong đó chi tiết sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ), Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ dự toán được cấp trên giao, nhu cầu chi, khả năng ngân sách để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án phân bổ dự toán ngân sách cho phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương.
7. Định mức khoán chi hoạt động thường xuyên là mức chi tối đa, bao gồm các khoản tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương hoặc tiết kiệm để thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định điều hành hằng năm của cấp có thẩm quyền (nếu có).

Điều 5. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các đơn vị sử dụng ngân sách

1. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các cơ quan quản lý hành chính
 - a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế cán bộ, công chức thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt).
 - b) Khoán chi hoạt động thường xuyên

- Phân bổ theo số biên chế được giao (bao gồm biên chế có mặt và biên chế chưa tuyển):

+ Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 110 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Sở chủ quản, Ban, Văn phòng cơ quan Ủy ban Mặt Trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: 80 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Hội do Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ, được giao biên chế: 65 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Đơn vị quản lý hành chính trực thuộc các sở: 70 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Xã, phường: 80 triệu đồng/biên chế/năm.

- Phân bổ bổ sung đối với các biên chế tiết kiệm, chưa tuyển (tại thời điểm quyết định dự toán năm): 66 triệu đồng/biên chế tiết kiệm/năm.

c) Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.

2. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách đảm bảo chi thường xuyên

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt).

b) Khoản chi hoạt động thường xuyên:

- Phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao theo phân loại trường, khu vực:

Đvt: triệu đồng/biên chế/năm

Cấp học	Các phường	Các xã
Mầm non	52	60
Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông	30	35

Một số loại hình trường có tính chất đặc thù được phân bổ như sau:

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Áp dụng theo mức phân bổ các cấp học tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

+ Trường Chuyên Trung học phổ thông: 44 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập: 60 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Trường phổ thông Năng khiếu thể thao: 45 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Trường dân tộc nội trú: 55 triệu đồng/ biên chế/ năm.

+ Hỗ trợ các trường học có cơ sở phụ: 56 triệu đồng/cơ sở phụ/năm.

- Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Vườn quốc gia Bù Gia Mập: 60 triệu đồng/biên chế/năm.

- Trường Chính trị, Trung tâm Chính trị: 80 triệu đồng/ biên chế/năm.

- Trung tâm công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em Đồng Nai; Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Phước: 80 triệu đồng/biên chế/năm.

- Bảo tàng tỉnh Đồng Nai: 80 triệu đồng/biên chế/năm.

- Ban Quản lý nghĩa trang: 60 triệu đồng/ biên chế/năm.

- Các đơn vị sự nghiệp khác: 50 triệu đồng/biên chế/năm.

- Phân bổ bổ sung đối với các biên chế tiết kiệm, chưa tuyển (tại thời điểm quyết định dự toán năm): 66 triệu đồng/biên chế tiết kiệm/năm.

c) Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.

3. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Nguyên tắc, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2026

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo

a) Đảm bảo quỹ tiền lương và khoản chi hoạt động tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5.

b) Đảm bảo nhu cầu chi các chế độ chính sách

- Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

- Chính sách hỗ trợ giáo dục mầm non.

- Chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

- Chính sách trường dân tộc nội trú.

- Chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán.

- Chế độ hỗ trợ đối với giáo viên dạy trẻ khuyết tật.

c) Phân bổ chi hoạt động chung ngành theo tiêu chí dân số: 10.000 đồng/người dân/năm.

d) Bổ sung kinh phí đào tạo chính trị tại phường Trấn Biên, phường Long Khánh, phường Bình Phước, phường Bình Long, phường Chơn Thành, phường Phước Bình, xã Bù Đăng, xã Cẩm Mỹ, xã Dầu Giây, xã Định Quán, xã Đồng Phú, xã Long Thành, xã Lộc Ninh, xã Nhơn Trạch, xã Phú Nghĩa, xã Phú Riềng, xã

Tân Khai, xã Tân Phú, xã Thiện Hưng, xã Trảng Bom, xã Trị An, xã Xuân Lộc: 1.500 triệu đồng.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, căn cứ trên cơ sở nhu cầu của thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ, số giao chỉ tiêu của Chính phủ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của từng địa phương hằng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính và các sự nghiệp khác

a) Quỹ tiền lương và khoán chi hoạt động

- Đảm bảo quỹ tiền lương và khoán chi hoạt động cho cán bộ, công chức, viên chức tại điểm a, điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5.

- Đảm bảo chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở cấp ấp.

- Đảm bảo chế độ đối với lực lượng dân quân.

- Đảm bảo chế độ đối với lượng lượng an ninh trật tự cơ sở.

- Đảm bảo chế độ đối với trưởng các đoàn thể cấp ấp, tổ nhân dân.

b) Đảm bảo nhu cầu chi các chế độ chính sách

- Chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên.

- Chế độ trợ cấp hưu trí xã hội.

- Chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán.

- Chế độ hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

- Chế độ người có uy tín, già làng.

- Chế độ quà tặng, chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi.

c) Đảm bảo kinh phí cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải.

d) Phân bổ chung

- Phân bổ chung theo xã, phường: 18.000 triệu đồng/xã, phường/năm.

- Phân bổ theo dân số: 77.000 đồng/người dân/năm.

đ) Hỗ trợ các đặc thù tại địa phương (ngoài định mức phân bổ chung tại điểm d Điều này)

- Hỗ trợ các phường, xã trung tâm:

+ Phường Trảng Biên: 60.000 triệu đồng/năm.

+ Phường Long Khánh và phường Bình Phước: 19.200 triệu đồng/năm.

+ Phường Bình Long, phường Chơn Thành, phường Phước Bình, xã Bù Đăng, xã Cẩm Mỹ, xã Dầu Giây, xã Định Quán, xã Đồng Phú, xã Long Thành, xã Lộc Ninh, xã Nhơn Trạch, xã Phú Nghĩa, xã Phú Riềng, xã Tân Khai, xã Tân Phú, xã Thiện Hưng, xã Trảng Bom, xã Trị An, xã Xuân Lộc: 8.500 triệu đồng/năm.

- Hỗ trợ các xã biên giới: 3.000 triệu đồng/năm.

Điều 7. Nguyên tắc phân bổ các chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2027 và các năm tiếp theo

Dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2027 và các năm tiếp theo được xác định trên cơ sở dự toán chi thường xuyên năm 2026 được xác định theo Điều 6 và điều chỉnh (tăng, giảm) theo nguyên tắc:

1. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh và tình hình thực tế của ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách xã.
2. Trường hợp có phát sinh chính sách, nhiệm vụ chi mới do cấp thẩm quyền ban hành, ngân sách cấp tỉnh sẽ bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã theo khả năng của ngân sách tỉnh và khả năng cân đối ngân sách của ngân sách cấp xã. Trường hợp phát sinh chính sách, nhiệm vụ chi hết hiệu lực, ngân sách cấp tỉnh giảm trừ bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã.
3. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo khả năng ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách cấp dưới để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau: Bổ sung kinh phí các chính sách chưa có trong định mức, dự toán được giao đầu năm; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác phân giao cho cấp dưới thực hiện; hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới; hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, nhiệm vụ cụ thể khác.